TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH Đ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST Ngày: 20-7-2023 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Luật** và bà **Trần Thúy Nga**
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu M, sinh năm: 1995
Địa chỉ: Thôn Mỹ Bình, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- Bị đơn: Anh Chiếng A H, sinh năm: 1992
Địa chỉ: Khu 22, ấp 4, xã Phú Hòa, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn Chị Phạm Thị Thu M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hòa, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/7/2016, trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống căng thẳng, hôn nhân không hàn gắn được nên tháng 10 năm 2016 chị về nhà cha mẹ ruột ở Quảng Nam sinh sống và vợ chồng sống ly thân. Nay chị không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 01 con chung tên Chiếng Hạo Thiên, sinh ngày 29/10/2016. Khi ly hôn chị M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Chiếng A H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc vì vậy không có lời khai hay lời trình bày của anh H.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau bản sao căn cước công dân chị M; bản sao sổ hộ khẩu anh H, chị M; bản chính giấy xác nhận cư trú và giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; Lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 19/5/2023 về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị M ly hôn với anh Chiếng A H; về con chung: đề nghị giao con chung Chiếng Hạo Thiên, sinh ngày 29/10/2016 cho chị M nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng do chị M không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thu M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Chiếng A H và tranh chấp nuôi con chung là Chiếng Hạo Thiên, sinh ngày 29/10/2016. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn anh Chiếng A H có nơi cư trú tại: Ấp 1, xã Phú Hòa, huyện Đ, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Phan Thị Thu Mỹ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Chiếng A H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/7/2016, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị M và anh H không hạnh phúc và mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau do đó cuối năm 2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Lời khai của nguyên đơn về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Qua đó có đủ cơ sở xác định vợ chồng chị M và anh H đã có những mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn.

[6] Từ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập được nhận thấy chị M và anh H trong quá trình sống chung đã không tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M và anh H có 01 con chung tên Chiếng Hạo Thiên, sinh ngày 29/10/2016 chị M yêu cầu được nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét thấy từ khi vợ chồng chị M, anh H không còn sống chung thì con chung do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do đó giao cháu cháu Chiếng Hạo Thiên cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Do chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết; về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết. Đối với anh H nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung với chị M có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Về án phí: Chị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị Thu M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Chiếng A H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu M được ly hôn anh Chiếng A H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Chiếng Hạo Thiên, sinh ngày 29/10/2016 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho anh H do chị M không yêu cầu.

Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi nào có tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004058 ngày 27/12/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đ được chuyển thành án phí. Chị M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh